

Phụ lục II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT KHUYẾN NÔNG
Lĩnh vực: Lâm nghiệp

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Mô hình trồng cây Sâm Lai Châu - Mã sản phẩm LN3311

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với Quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 2 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với Quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	Đối với mô hình trồng dưới tán rừng				
1	Giống trồng mới	Cây	20.000	Cây con trên 10 tháng tuổi. Chiều cao thân khí sinh trung bình lớn hơn hoặc bằng 9 cm. Đường kính gốc thân khí sinh ≥ 1 mm. Hình thái lá màu xanh phát triển cân đối, khỏe mạnh, không dấu hiệu sâu bệnh.	Trồng dưới tán rừng, sử dụng diện tích đất xen để sản xuất không quá 1/3 diện tích lô rừng, được giao. Khoảng cách trồng 20 x 30 cm.
2	Giống trồng dặm	Cây	2.000		
3	Phân hữu cơ vi sinh: - Trồng mới - Chăm sóc năm 2 - Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	4.000 4.000 4.000	Tiêu chuẩn cơ sở	Lượng bón 0,2 kg/hố
4	Chế phẩm sinh				
				- Năm thứ nhất: Phun chế phẩm định kỳ 01 lần/	

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	học, vi sinh - Trồng mới - Chăm sóc năm 2 - Chăm sóc năm 3	Lít/kg Lít/kg Lít/kg	40 40 40	tháng (phun 10 tháng) - Năm thứ 2, năm thứ 3: Phun chế phẩm định kỳ 01 lần/ tháng, từ tháng 1-10	
II	Đối với mô hình trồng trên đất trồng, vườn hộ				
1	Giống trồng mới	Cây	100.000	- Cây con trên 10 tháng tuổi - Chiều cao thân khí sinh trung bình lớn hơn hoặc bằng 9 cm - Đường kính góc thân khí sinh ≥ 1 mm - Hình thái lá màu xanh phát triển cân đối, khỏe mạnh, không dấu hiệu sâu bệnh.	Trồng trên luống tập trung, khoảng cách trồng 20 x 30 cm
2	Giống trồng dặm	Cây	10.000		
3	Phân hữu cơ vi sinh: - Trồng mới - Chăm sóc năm 2 - Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	20.000 20.000 20.000	Tiêu chuẩn cơ sở	Lượng bón 0,2 kg/hố
4	Chế phẩm sinh học, vi sinh - Trồng mới - Chăm sóc năm 2 - Chăm sóc năm 3	Lít/kg Lít/kg Lít/kg	200 200 200	- Năm thứ nhất: Phun định kỳ 01 lần/ tháng (phun 10 tháng) - Năm thứ 2, năm thứ 3: Phun định kỳ 01 lần/ tháng, từ tháng 1-10	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Tập huấn xây dựng mô hình			
	Số lần	Lần	01 - 02	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Thời gian	Ngày	01	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị		01 ngày/hội nghị
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị		01 - 02 ngày/hội nghị

2. Mô hình trồng cây Tam thất Bắc - Mã sản phẩm LN3312

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với Quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 2 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với Quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	Đối với mô hình trồng dưới tán rừng				
1	Giống trồng mới	Cây	20.000	Cây con 6-12 tháng tuổi. Chiều cao thân khí sinh trung bình ≥ 9 cm. Đường kính gốc thân khí sinh ≥ 1 mm. Cây con có mầm cây khỏe, không sâu bệnh.	Trồng dưới tán rừng, sử dụng diện tích đất xen để sản xuất không quá 1/3 diện tích lô rừng, được giao. Khoảng cách trồng 20 x 30 cm.
2	Giống trồng dặm	Cây	2.000		
3	Phân hữu cơ vi sinh: - Trồng mới - Chăm sóc năm 2 - Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	4.000 4.000 4.000	Tiêu chuẩn cơ sở	Lượng bón 0,2 kg/hố
4	Phân NPK 5-10-3 - Trồng mới - Chăm sóc năm 2 - Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	40 24 24	Tiêu chuẩn cơ sở	Lượng bón: - Bón lót 2 kg/1.000 cây (Trồng mới) - Bón thúc 1,2 kg/1.000 cây (chăm sóc).
5	Chế phẩm sinh học, vi sinh			- Năm thứ nhất: Phun định kỳ 01 lần/ tháng (phun 10 tháng)	

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	- Trồng mới - Chăm sóc năm 2 - Chăm sóc năm 3	Lít/kg Lít/kg Lít/kg	40 40 40	- Năm thứ 2, năm thứ 3: Phun định kỳ 01 lần/ tháng, từ tháng 1-10	
II	Đối với mô hình trồng trên đất trồng, vườn hộ				
1	Giống trồng mới	Cây	100.000	Cây con 6-12 tháng tuổi. Chiều cao thân khí sinh trung bình ≥ 9 cm. Đường kính gốc thân khí sinh ≥ 1 mm. Cây con có mầm cây khỏe, không sâu bệnh.	Trồng trên luống tập trung, khoảng cách trồng 20 x 30 cm
2	Giống trồng dặm	Cây	10.000		
3	Phân hữu cơ vi sinh - Trồng mới - Chăm sóc năm 2 - Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	20.000 20.000 20.000	Tiêu chuẩn cơ sở	Lượng bón 0,2 kg/hố
4	Phân NPK 5-10-3 - Trồng mới - Chăm sóc năm 2 - Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	200 120 120	Tiêu chuẩn cơ sở	Lượng bón: - Bón lót 2 kg/1.000 cây (Trồng mới) - Bón thúc 1,2 kg/1.000 cây (chăm sóc).
5	Chế phẩm sinh học, vi sinh - Trồng mới - Chăm sóc năm 2 - Chăm sóc năm 3	Lít/kg Lít/kg Lít/kg	200 200 200	- Năm thứ nhất: Phun định kỳ 01 lần/ tháng (phun 10 tháng) - Năm thứ 2, năm thứ 3: Phun định kỳ 01 lần/ tháng, từ tháng 1-10	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Tập huấn xây dựng mô hình			
	Số lần	Lần	01 - 02	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Thời gian	Ngày	01	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị		01 ngày/hội nghị
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị		01 - 02 ngày/hội nghị

3. Mô hình quản lý tổng hợp sâu hại chính trên cây Quế - Mã sản phẩm LN3314

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với Quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	09	Trình độ: trung cấp trở lên; Quy mô: 3-6 ha/cán bộ	

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy phun thuốc trừ sâu	Cái		Phù hợp với Quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

C. Định mức vật tư và dụng cụ mau hỏng

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Phân hữu cơ vi sinh	kg	2.222	Tiêu chuẩn cơ sở	
2	Thuốc trừ sâu có vi khuẩn <i>Bacillus thuringiensis</i> var. <i>kurstaki</i> 16.000 IU + <i>Granulosis virus</i> 10 ⁸ PIB	kg	1,0		
3	Thuốc trừ sâu có chứa hoạt chất Etofenprox	Lít	1,0		Có thể sử dụng thuốc trừ sâu có chứa hoạt chất Cartap hoặc Chlorfluazuron với tỉ lệ tương ứng, phù hợp với quy trình kỹ thuật
4	Bẫy đèn sáng tia cực tím (UV) 20w	Cái	2	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Tập huấn xây dựng mô hình			
	Số lần	Lần	1-2	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Thời gian	Ngày	01	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị		01 ngày/hội nghị
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị		01 - 02 ngày/hội nghị

4. Mô hình trồng cây Lõi thọ - Mã sản phẩm LN3313

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Lao động phổ thông	Công		Phù hợp với Quy trình kỹ thuật	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	20	Trình độ: Trung cấp trở lên; Quy mô: 5-10 ha/cán bộ	Năm 1: 8 tháng Năm 2: 7 tháng Năm 3: 5 tháng

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Làm đất bằng cơ giới			Phù hợp với Quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	Độ dốc $\leq 15^0$

C. Định mức giống, vật tư

Đơn vị tính: 01 ha

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Giống trồng mới	Cây	1.111	Cây sinh trưởng tốt, không sâu bệnh và không cụt ngọn.
2	Giống trồng dặm 10%	Cây	111	
3	Phân bón NPK (16:16:8) - Trồng mới - Chăm sóc năm 2 - Chăm sóc năm 3	Kg Kg Kg	222,2 444,4 444,4	Tiêu chuẩn cơ sở
4	Phân hữu cơ vi sinh trồng mới	Kg	2.222	

D. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Tập huấn xây dựng mô hình			
	Số lần	Lần	01 - 02	- Theo quy trình kỹ thuật - Đối tượng: Người nhận hưởng lợi và tác động từ mô hình
	Thời gian	Ngày	01	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết			
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị		01 ngày/hội nghị
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị		01 - 02 ngày/hội nghị